

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

NGUYỄN VĂN VƯƠNG

PHÁP LUẬT VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ CỦA
VIỆT NAM TRONG THU HỒI TÀI SẢN
DO PHẠM TỘI MÀ CÓ

Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự

Mã số: 9 38 01 04

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội – 2026

Luận án được hoàn thành tại:
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1. PGS. TS. CAO THỊ OANH

2. PGS. TS. LÊ LAN CHI

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường,
hội tại Trường Đại học Luật Hà Nội vào hồi.... ngày... tháng.... năm 202..

Có thể tìm hiểu luận án tại:

1) Thư viện Quốc gia

2) Thư viện Trường Đại học Luật Hà Nội

MỞ ĐẦU

Bối cảnh quốc tế, khu vực trong xu thế toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế sâu rộng trong những năm qua dẫn đến có nhiều diễn biến phức tạp, thay đổi nhanh chóng, đặc biệt là sự gia tăng của các tội phạm tham nhũng, tội phạm có tổ chức, ma túy, buôn người, rửa tiền...Cùng với đó, tài sản do phạm tội mà có thường được chuyển đến hoặc cất giấu tại nước ngoài, đòi hỏi các quốc gia phải phối hợp, tương trợ với nhau để giải quyết nhanh chóng, hiệu quả, vì vậy hợp tác quốc tế là điều quan trọng để thu hồi tài sản thành công.

Tại Việt Nam, việc hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có, nhất là tài sản tham nhũng đang nhận được sự quan tâm đặc biệt. Tuy nhiên, thực tiễn thực hiện các quy định về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có đối mặt với nhiều thách thức, còn nhiều tồn tại, bất cập, chưa đạt hiệu quả tối ưu. Mặt khác, trong thời gian tới ở Việt Nam các loại tội phạm rửa tiền, tham nhũng, tội phạm phi truyền thống, mua bán người, ma túy...sẽ diễn ra nghiêm trọng, phức tạp hơn, số lượng tài sản do phạm tội mà có chắc chắn là không hề nhỏ, với thủ đoạn che giấu, ngụy trang, chuyển hóa, tẩu tán tài sản ngày càng tinh vi. Vì vậy, việc nghiên cứu pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có trở nên cấp thiết, nhằm hoàn thiện lý luận về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có nói riêng, góp phần hoàn thiện chính sách và pháp luật cũng như khoa học nói chung. Xuất phát từ những lý do trên, để kịp thời đáp ứng bối cảnh quốc tế và trong nước hiện nay, nghiên cứu sinh đã chọn đề tài: “*Pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có*” làm đề tài luận án tiến sĩ luật học.

Luận án có nhiệm vụ làm rõ một số vấn đề lý luận về pháp luật về hợp tác quốc của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Phân tích và đánh giá các quy định pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, tập trung chủ yếu từ góc độ pháp luật tố tụng hình sự và thực tiễn thực hiện thông qua việc khái quát và phân tích các số liệu thống kê, các vụ án điển hình để từ đó nêu ra những kết quả đạt được, những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân của nó và làm rõ các yêu cầu hoàn thiện và đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, từ đó đề xuất các giải pháp cụ thể trong thời gian tới.

Luận án có ý nghĩa đối với việc hoàn thiện pháp luật nói chung và pháp luật TTHS nói riêng, hình thành khung lý thuyết về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Ngoài ra, luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan lập pháp trong việc xây dựng, sửa đổi và hoàn thiện pháp luật liên quan đến hợp tác quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực thu hồi tài sản do phạm tội mà có, đồng thời cũng có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo trong công tác nghiên cứu, giảng dạy trong các cơ sở đào tạo luật của Việt Nam.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM TRONG THU HỒI TÀI SẢN

DO PHẠM TỘI MÀ CÓ

1.1. Khái niệm, đặc điểm pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

“Pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có là tổng hợp các quy phạm pháp luật do Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành hoặc thừa nhận và đảm bảo thực hiện, điều chỉnh quan hệ phối hợp, giúp đỡ lẫn nhau giữa cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để tiến hành các hoạt động xác định, truy tìm, phong tỏa, tịch thu và trả lại tài sản do phạm tội mà có cho quốc gia yêu cầu để phục vụ yêu cầu điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án nhằm giải quyết vụ án hình sự”.

Xuất phát từ việc pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có là một bộ phận của hệ thống pháp luật quốc gia và chịu ảnh hưởng bởi các công ước, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Do đó, pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có vừa mang những đặc điểm chung của pháp luật Việt Nam, vừa sở hữu những dấu hiệu đặc thù để phân biệt với các quy phạm pháp luật khác.

Thứ nhất, đặc điểm về đối tượng điều chỉnh: Pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có điều chỉnh các quan hệ

phát sinh trong quá trình cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và của nước ngoài phối hợp, giúp đỡ lẫn nhau để tiến hành các hoạt động phát hiện, xác định, truy tìm, thu giữ và trả lại tài sản do phạm tội mà có.

Thứ hai, đặc điểm về phương pháp điều chỉnh: Phương pháp điều chỉnh của pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có là phương pháp điều chỉnh tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực, sử dụng đồng thời nhiều biện pháp để đạt hiệu quả cao nhất.

Thứ ba, đặc điểm về phạm vi điều chỉnh: Dù không phải là một ngành luật độc lập ở Việt Nam nhưng pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có xác định rõ việc ủy thác và đại diện cho quốc gia khác trong thực thi quyền tư pháp. Theo đó, một bên chủ thể của pháp luật về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực TTHS nói chung, trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có nói riêng đại diện cho quốc gia, gồm Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia yêu cầu.

Thứ tư, đặc điểm về nguồn: Pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có được xây dựng trên nền tảng đa nguồn, bao gồm tập quán quốc tế, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia và pháp luật quốc gia.

Thứ năm, đặc điểm về hiệu lực: Tính quy phạm là đặc trưng vốn có của pháp luật, điều này đúng với cả pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Các quy định của pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có mang tính bắt buộc. Mọi chủ thể có thẩm quyền, chủ thể tiến hành tố tụng phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật khi thực hiện các hoạt động liên quan đến hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

1.2. Nội dung pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

Pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có quy định về nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn, phương thức cho các hoạt động cụ thể được điều chỉnh bao gồm trao đổi, thu thập thông tin, phòng ngừa, phát hiện, chuyển giao tài liệu, chứng cứ liên quan đến tài sản do phạm tội mà có cần phải thu hồi; các trường hợp từ chối yêu cầu tương trợ; phong tỏa, tịch thu tài sản do phạm tội mà có... Các quy định này liên quan đến nhiều loại hình tổ tụng khác nhau và gắn với việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, thông qua đó các bên có thể thực hiện các nội dung hợp tác trong mọi giai đoạn để thu hồi tài sản do phạm tội mà có bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, các quy định của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có ghi nhận bằng các hình thức luật định về nghĩa vụ quốc tế của quốc gia trong hoạt động hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Thứ hai, các quy định về tương trợ tư pháp hình sự là hình thức hợp tác quốc tế để trao đổi thông tin và thu thập chứng cứ liên quan đến những nội dung tương trợ về thu hồi tài sản do phạm tội mà có mà quốc gia có thể thực hiện cho nước ngoài như tài liệu, lời khai, công cụ, phương tiện phạm tội... Tương trợ tư pháp hình sự về thu hồi tài sản do phạm tội mà có được xem xét tiến hành khi có văn bản ủy thác tư pháp của quốc gia gửi đến quốc gia khác theo những đòi hỏi, yêu cầu về mặt kỹ thuật, thủ tục và nội dung cụ thể.

1.3. Nguồn của pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

Nguồn của pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có rất phong phú, hình thành từ các điều ước quốc tế mà quốc gia đã ký kết hoặc tham gia. Tập quán quốc tế cũng đóng vai trò quan trọng, đặc biệt là nguyên tắc có đi có lại trong pháp luật quốc tế được áp dụng linh hoạt trong từng vụ việc cụ thể. Ngoài ra, các văn bản quy phạm pháp luật trong nước cũng góp phần tạo nên nguồn pháp luật này, quy định rõ về thẩm quyền, hình thức, trình tự và thủ tục phối hợp, hỗ trợ giữa các cơ quan có thẩm quyền nhằm mục tiêu thu hồi tài sản do phạm tội mà có phục vụ cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án một cách hiệu quả.

1.4. Các nguyên tắc của pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

Là một bộ phận của pháp luật Việt Nam, pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có trước hết phản ánh đầy đủ các phương châm, định hướng chi phối hoạt động hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, vốn được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật trong nước. Đồng thời, nó cũng tuân thủ các nguyên tắc đặc thù của pháp luật quốc tế liên quan đến hoạt động này.

1.4.1. Các nguyên tắc chung của pháp luật quốc tế

- Nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau
- Nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi
- Nguyên tắc thiện chí thực hiện các nghĩa vụ quốc tế
- Nguyên tắc có đi có lại

1.4.2. Các nguyên tắc đặc thù

- Nguyên tắc tuân thủ đường lối đối ngoại, chính sách pháp luật và chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước
- Nguyên tắc hợp tác với phạm vi rộng nhất có thể

1.5. Các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

Để đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, các tiêu chí được chia thành các tiêu chí chung (áp dụng cho mọi lĩnh vực pháp luật) và tiêu chí riêng, đặc thù của hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Trên cơ sở những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung, đồng thời dựa trên đặc điểm của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, có thể xây dựng một số tiêu chí cơ bản đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có như sau:

- Tính tương thích với pháp luật và thông lệ quốc tế
- Bảo vệ lợi ích quốc gia
- Tính phù hợp của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có
- Tính khả thi của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có
- Tính đồng bộ, toàn diện của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có
- Tính thống nhất của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có
- Đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật lập pháp

CHƯƠNG 2

PHÁP LUẬT VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM TRONG THU HỒI TÀI SẢN DO PHẠM TỘI MÀ CÓ VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN

2.1. Pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

2.1.1. Các văn bản pháp lý quốc tế mà Việt Nam là thành viên

2.1.1.1. Công ước quốc tế và khu vực

- Công ước của Liên hợp quốc về chống buôn bán trái phép thuốc gây nghiện và chất hướng thần (1988), chính thức có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 01/9/1997.
- Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (2000), có hiệu lực từ cuối năm 2003
- Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC) được thông qua năm 2003 và chính thức có hiệu lực vào ngày 14/12/2005
- Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm mạng (Công ước Hà Nội) được thông qua vào ngày 24/12/2024
- Hiệp định ASEAN về tương trợ tư pháp trong các vấn đề hình sự, có hiệu lực từ ngày 20/9/2005
- Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em năm 2015 (ACTIP)

2.1.1.2. Hiệp định song phương

Đến nay Việt Nam đã ký kết 30 hiệp định TTTP song phương có liên quan đến hợp tác quốc tế liên quan đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Các hiệp định này tạo cơ sở pháp lý vững chắc, cho phép các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam gửi đi các yêu cầu tương trợ về thu hồi tài sản do phạm tội mà có, cũng như tiếp nhận và giải quyết các yêu cầu tương trợ từ các quốc gia khác.

2.1.2. Pháp luật Việt Nam về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

2.1.2.1. Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

2.1.2.2. Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 và Luật Tương trợ tư pháp về hình sự năm 2025

2.1.2.3. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018

2.1.2.4. Luật phòng, chống rửa tiền năm 2022

2.1.2.5. Các văn bản khác có liên quan

2.1.3. Nhận xét, đánh giá pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

2.1.3.1. Ưu điểm

2.1.3.2. Những hạn chế, tồn tại

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật Việt Nam về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

2.2.1. Kết quả đạt được

2.2.1.1. Yêu cầu tương trợ tư pháp về thu hồi tài sản do phạm tội mà có của nước ngoài gửi đến Việt Nam (Yêu cầu tương trợ tư pháp đến)

2.2.1.2. Yêu cầu tương trợ tư pháp về thu hồi tài sản do phạm tội mà có của Việt Nam gửi đi nước ngoài (Yêu cầu tương trợ tư pháp đi)

2.2.2. Hạn chế, khó khăn

2.2.2.1. Yêu cầu tương trợ tư pháp về thu hồi tài sản do phạm tội mà có của nước ngoài gửi đến Việt Nam (Yêu cầu tương trợ tư pháp đến)

2.2.2.2. Yêu cầu tương trợ tư pháp về thu hồi tài sản do phạm tội mà có của Việt Nam gửi đi nước ngoài (Yêu cầu tương trợ tư pháp đi)

2.2.3. Nguyên nhân

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM TRONG THU HỒI TÀI SẢN DO PHẠM TỘI MÀ CÓ

3.1. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

Một là, hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có phải đảm bảo yêu cầu thể chế hóa kịp thời, đầy đủ các quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về lĩnh vực này, đảm bảo tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm, hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Hai là, pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có phải được quy định chặt chẽ, cụ thể, đầy đủ, khắc phục được những hạn chế và bất cập, giải quyết triệt để các thách thức thực tiễn.

Ba là, để hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có cần thiết phải tạo ra một hành lang pháp lý đầy đủ cho việc tương trợ tư pháp về hình sự, đáp ứng yêu cầu thực hiện tương trợ tư pháp được thuận lợi, kịp thời, nhanh chóng.

Bốn là, hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có và xây dựng pháp luật về hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có phải phát huy tối đa nội lực, đồng thời thể hiện được tính chủ động trong hội nhập quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Năm là, hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có phải phù hợp với đặc điểm tình hình thực tiễn của Việt Nam và cần có sự tham khảo, tiếp thu kinh nghiệm từ các quốc gia khác.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

3.2.1. Rà soát các văn bản pháp lý quốc tế đa phương mà Việt Nam là thành viên

3.2.2. Hoàn thiện pháp luật Việt Nam điều chỉnh hoạt động hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

3.3.1. Triển khai, tổ chức thực hiện Luật tương trợ tư pháp về hình sự

3.3.2. Đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tư pháp và cán bộ chuyên trách về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

3.3.3. Kiện toàn cơ cấu tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan trung ương về tương trợ tư pháp hình sự

3.3.4. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật tương trợ tư pháp về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

3.3.5. Tăng cường cơ sở vật chất, trang bị, phương tiện, kỹ thuật, khoa học công nghệ

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, trên góc độ tiếp cận chuyên ngành Luật hình sự và tổ tụng hình sự, kết hợp với phương pháp tiếp cận liên ngành, đa ngành, luận án đã rút ra một số kết luận sau:

1. Lịch sử pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có gắn liền với sự xuất hiện và phát triển của các loại tội phạm như tham nhũng, ma túy, tội phạm xuyên quốc gia... Các loại tội phạm này ngày càng lan rộng và không có giới hạn quốc gia, cùng với nó là những hậu quả nặng nề đối với đời sống kinh tế và chính trị của cộng đồng quốc tế. Sau khi phạm tội, tài sản có được do hành vi phạm tội thường được các đối tượng tẩu tán chuyển sang lãnh thổ quốc gia khác bằng nhiều hình thức, thủ đoạn khác nhau. Lợi dụng sự khác biệt trong hệ thống pháp lý giữa các quốc gia, chi phí cao trong phối hợp điều tra, tình trạng thiếu hợp tác giữa các nước và nguyên tắc bí mật ngân hàng, các đối tượng phạm tội thường xuyên tẩu tán, cất giữ phần lớn số tiền phạm pháp ở nước ngoài để ẩn náu, biến đổi, trộn lẫn tài sản do phạm tội mà có để gây khó khăn cho các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án trong việc thu hồi tài sản.

2. Trên cơ sở những quy định của pháp luật quốc tế, Việt Nam đã và đang tiến hành ký kết nhiều điều ước quốc tế cũng như khu vực và hiệp định song phương liên quan đến hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Việt Nam đã xây dựng, ban hành hệ thống các văn bản pháp luật nói chung và chuyên ngành nhằm điều chỉnh trực tiếp những nội dung hợp tác trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Về thực tiễn, Việt Nam phát sinh nhiều

vụ án đề nghị nước ngoài hợp tác để thu hồi tài sản do phạm tội mà có, điển hình là các vụ án có tham nhũng, kinh tế và chức vụ với mức độ nghiêm trọng, phức tạp, thu hút sự quan tâm của dư luận.

3. Hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có là một nội dung phức tạp và là vấn đề khá mới đối với Việt Nam. Để đấu tranh phòng chống tội phạm có hiệu quả cũng như thu hồi được tài sản do phạm tội mà có đòi hỏi phải sử dụng nhiều giải pháp đồng bộ, có sự phối hợp của nhiều cơ quan, trong đó việc hoàn thiện pháp luật và thể chế là yếu tố quan trọng. Định hướng của Đại hội XIII của Đảng thể hiện sự quyết tâm và tầm nhìn chiến lược của Việt Nam trong việc chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương quan trọng, góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa. Do vậy, bên cạnh việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, Việt Nam cần tăng cường hợp tác với các quốc gia trên thế giới, thể hiện vai trò là đối tác tin cậy, là thành viên có trách nhiệm trong các mối quan hệ quốc tế về phòng chống tội phạm và thu hồi tài sản do phạm tội mà có./.